HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỐ BẢNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27/NQ-HĐND	*Phố Bảng, ngày 25 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỐ BẢNG
KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021 - 2026 - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 23/12/2025 của Đảng ủy xã Phố Bảng về giao chỉ tiêu năm 2026.

Xét Tờ trình số 1151/TTr-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Phố Bảng về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026; báo cáo thẩm tra của hai Ban Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã Phố Bảng;

Hội đồng nhân dân xã Phố Bảng đã thảo luận và nhất trí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng vật nuôi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, nâng cao chất lượng giáo dục, mở các lớp học nghề ngắn hạn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho nhân dân thâm canh cây trồng; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; nâng cao hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Thực hiện tốt xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, bảo đảm quốc phòng an và trật tự an toàn xã hội.

Các chỉ tiêu tổng hợp

(1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu thuế và phí) đạt 1.030 triệu đồng.

(2) Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh:

- Tỷ lệ dân số trung tâm được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: 95,00%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn: 93,50%

(3) Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội: Đạt.

(4) Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: đạt 100%.

Điều 2: Nhiệm vụ và giải pháp

1. Lĩnh vực nông nghiệp phát triển nông thôn

Trồng trọt: Tập chung chỉ đạo nhân dân chăm sóc thu hoạch hoa màu, phấn đấu sản lượng đạt 4.500 tấn *(ngô: 3.038,54 tấn, lúa: 1.461,59 tấn)*. Gieo trồng 57 ha tam giác mạch, 834,80 ha rau đậu các loại, 09 sâm khoai, chuyển đổi 05 ha sang cây trồng có giá trị kinh tế cao nhằm đem lại thu hoạch 35,5 triệu đồng/ha/năm, phát triển 5ha cây dược liệu như gừng và một số loại dược liệu khác.

Chăn nuôi: Tập trung đẩy mạnh chăn nuôi, chỉ đạo tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm, không để dịch bệnh xảy ra. Sửa chữa, cải tạo, xây dựng chuồng trại chăn nuôi, thực hiện tiêm phòng vắc xin đầy đủ cho đàn gia súc. Phấn đấu đến cuối năm 2026 tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 4,8%, đàn gia cầm đạt 6,45%. Duy trì và phát triển được 1.150 đàn ong mật.

Lâm nghiệp: Tuyên truyền đến từng hộ gia đình, đảm bảo 100% hộ dân ký cam kết thực hiện quy ước phòng chống cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng. Chăm sóc tốt diện tích rừng nhận khoán khoanh nuôi của các thôn bản, duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 50,64%, khoanh nuôi bảo vệ 3.935,19 ha rừng hiện có.

2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Giao thông - Xây dựng

Duy trì tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện từ các nguồn đạt 99,6%, tỷ lên thôn biên giới có điện đạt tiêu chí Nông thôn mới 100%, tỷ lện thôn biên giới có đường giao thông đạt tiêu chí Nông thôn mới đạt 100%.

Phát triển 01 Hợp tác xã gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tiếp tục thi công hoàn thành 31 công trình xây dựng chuyển tiếp từ BQL DA khu vực Đồng Văn về xã, thực hiện các công trình khi có phân bổ từ UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả để đưa vào sử dụng.

3. Tài nguyên - Môi trường

Tăng cường kiểm tra, rà soát, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ nhân dân chưa được cấp. Phối hợp tốt với Sở Tài nguyên - Môi trường trong việc giao quyền sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn xã. Phối hợp với các ngành chuyên môn phổ biến các quy định, chính sách và nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các quy định về xử vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

4. Tài chính - Tín dụng

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp thu, chi ngân sách theo luật ngân sách; thu chi đúng mục đích, đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Điều hành, sử dụng ngân sách xã phải đảm bảo trong việc tự cân đối của xã. Tiếp tục thực hiện tốt

việc chi trả lương cho cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước. Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động vay các nguồn vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, không làm thất thoát các nguồn vốn vay và kém hiệu quả. Phối hợp với Ngân hàng CSXH xây dựng hồ sơ cho các hộ nghèo được vay vốn sản xuất, chăn nuôi phát triển kinh tế.

5. Y tế - Dân số KHHGĐ

Tiếp tục đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số KHHGĐ, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, gắn với công tác dân số kế hoạch hóa gia đình; thực hiện tốt việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

6. Giáo dục - Đào tạo

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, gắn trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể trong việc huy động, duy trì sỹ số học sinh, huy động các nguồn lực cho giáo dục. Duy trì phong trào thi đua *"Xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực"* Quan tâm, chỉ đạo duy trì các lớp bán trú, nghiêm túc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tốt nguồn kinh phí học sinh bán trú, nội trú. Phấn đấu năm học 2025 - 2026: Tỷ lệ trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 100%, trẻ 6-14 tuổi đến trường đạt 99%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT (phổ thông, bổ túc và học nghề) đạt 76%, trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 54,55%, duy trì 6 trường học đạt chuẩn quốc gia, duy trì sỹ số hàng ngày đạt 98.6%.

7. Giảm nghèo và việc làm

Tập chung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo, đặc biệt là chương trình MTQG trên địa bàn... Số hộ nghèo giảm so với năm 2024 đạt trên là 181 hộ, tương ứng với 6,00%, tạo việc làm mới cho trên 300 lao động, giải quyết việc làm cho lao động tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh đạt trên 2.500 lao động; quan tâm, chăm lo về vật chất và tinh thần đối với các gia đình chính sách, các đối tượng bảo trợ xã hội. Vận động 16,66 % người trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, 0,71% tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, 14,49 % tham gia bảo hiểm xã hội thất nghiệp. Chi trả kinh phí theo quy định của nhà nước cho trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi, người già không nơi nương tựa. Hỗ trợ kịp thời cho các hộ dân khi bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn. Tiếp tục phát động phong trào quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ các hộ nghèo về giống vật nuôi ...

8. Văn hoá - Thông tin - Thể thao

Cải tiến, nâng cao và đa dạng hoá công tác tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đồng thời gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc.

Mở rộng giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... Kết hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới xây dựng làng đạt tiêu trí văn hóa theo kế hoạch giao. Nâng tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa trên 82%; thôn, tổ dân phố được công nhận tiêu chí văn hóa trên 76%. Phát triển 01 điểm du lịch theo quy hoạch và hoàn thiện hồ sơ đề xuất công nhận điểm du lịch cấp tỉnh năm 2026.

9. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công vụ và phòng chống tham nhũng

Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung theo Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm và giai đoạn theo Chương trình, Nghị quyết của cấp trên. Tăng cường công tác tuyên truyền về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của việc thực hiện cải cách hành chính. Thực hiện tốt Đề án đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành theo chính quyền hai cấp. Phát huy tốt việc giải quyết các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, sử dụng có hiệu quả phòng họp trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT- ioffice, dịch vụ công trực tuyến, trang thông tin điện tử và hòm thư công vụ từ đó góp phần giảm bớt thời gian giải quyết các thủ tục hành chính và tiết kiệm được nguồn chi phí chi cho văn phòng phẩm. Thực hiện tốt chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại tố cáo của nhân dân. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

10. Quốc phòng - An ninh

Xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ động ngăn ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội có hiệu quả. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động các Tổ tự quản tại các thôn, tổ dân phố. Làm tốt công tác giáo dục quốc phòng, thường xuyên bổ xung nhiệm vụ, tổ chức luyện tập các cơ chế phối hợp, phương án chiến đấu phòng thủ xã nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng xã Phố Bảng thành khu vực phòng thủ vững chắc. Đảm bảo an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chủ động có các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn và giải quyết kịp thời các vụ việc, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn. Kịp thời giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, hạn chế thấp nhất tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người gây mất ổn định an ninh chính trị.

Điều 3: Hội đồng nhân dân xã giao cho Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân xã Phố Bảng kêu gọi và đề nghị các ngành đoàn thể, các cơ quan đơn vị, các thôn và toàn thể nhân dân các dân tộc trong xã quyết tâm phấn

đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội mà Nghị quyết đã đề ra.

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân xã Phố Bảng Khóa I, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- TTr. HĐND tỉnh;
- Đảng ủy xã Phố Bảng;
- TTr. HĐND xã Phố Bảng;
- UBND xã Phố Bảng;
- Đại biểu HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ và đoàn thể xã;
- 37/37 thôn;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ PHỐ BẢNG T.TUYÊN QUANG

Giáng Xuân Thắng

CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Phố Bảng)

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2025	Kế hoạch UBND tỉnh giao 2026	NQ Đảng bộ xã giao 2026	NQ HĐND xã giao 2026	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
I	**CHỈ TIÊU TỔNG HỢP**	**4**					
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu thuế và phí)	Triệu đồng	380,14	1.030,00	1.030,00	1030,00	
2	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92,00				
	- Tỷ lệ dân số trung tâm được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%			95,00	95,00	
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%			93,50	93,50	
3	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	
4	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn an ninh trật tự	%	100		100	100	
II	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**	**14**					
a	**TRỒNG TRỌT**	**8**					
1	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	4512,88	4500	4.500	4500	
1.1	Cây ngô cả năm	ha	795,71			792,73	
-	Năng suất bình quân	Tạ/ha	38,33			38,33	
-	Sản lượng	Tấn	3.049,96			3.038,54	
1.2	Cây lúa nước	ha	245,87			245,65	
-	Năng suất bình quân	Tạ/ha	59,50			59,50	
-	Sản lượng	Tấn	1.462,93			1.461,59	
2	Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha canh tác cây hàng năm	Tr.đồng	35,00		35,5	35,50	
3	Cây tam giác mạch	Ha	57,00			57,00	
4	Rau, đậu các loại cả năm	Ha	739,80			834,80	
5	Trồng củ Sâm khoai	Ha	9,00			9,00	
6	Diện tích ngô chuyển đổi sang cây trồng có giá trị kinh tế cao	Ha	10,6			5,00	
7	Phát triển cây dược liệu như gừng và một số loại dược liệu khác	Ha			1,80	1,80	
8	Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải:	%		90,0		96,50	
	- Tại khu vực trung tâm đạt trên	%	*92,00*		*98,00*	98,00	
	- Tại khu vực nông thôn	%	*90,00*		*95,00*	95,00	
b	**CHĂN NUÔI - THÚ Y**	**4**					
1	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	4,81			4,80	
2	Tốc độ tăng trưởng đàn gia cầm	%	6,46			6,45	
3	Tổng số đàn ong	Tổ	1121			1150	
4	Phát triển chăn nuôi quy mô gia trại	Hộ			18	18	
c	**LÂM NGHIỆP**	**2**					
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	50,64			50,64	
2	Khoanh nuôi, bảo vệ rừng	Ha	3935,19			3.935,19	
III	**CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**	**4**					
1	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện từ các nguồn	%	99,60			99,60	
2	Tỷ lên thôn biên giới có điện đạt tiêu chí Nông thôn mới (trong đó: thôn biên giới đã đạt 100% từ năm 2023)	%	100			100	
3	Tỷ lện thôn biên giới có đường giao thông đạt tiêu chí Nông thôn mới	%	100			100	
4	Phát triển Hợp tác xã gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	HTX			1	1	
IV	**LĨNH VỰC Y TẾ**	**5**					
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn	%	1,57		1,56	1,56	
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	%	18,01		18,00	18,00	
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắcxin đạt trên	%	95,00		95,00	95,00	
4	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	Xã		1,0		1,0	
5	Số người tham gia bảo hiểm y tế	%	100,00	100		100,00	
V	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**	**7**					
1	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo	%	100			100,00	
2	Tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi đến trường	%	99			99,00	

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2025	Kế hoạch UBND tỉnh giao 2026	NQ Đảng bộ xã giao 2026	NQ HĐND xã giao 2026	Ghi chú
3	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100			100,00	
4	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT (phổ thông, bổ túc và học nghề)	%	75,68		76,00	76,00	
5	Lũy kế tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	72,73			54,55	
-	Số đơn vị trường học	Trường	11			11,00	
-	Số trường học đạt chuẩn	Trường	8			6,00	
-	Số trường mầm non đạt chuẩn	%		100		100,00	
-	Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn	%		57,1		54,55	
6	Tỷ lệ duy trì số học sinh hàng ngày. Trong đó:	%	98,58			98,58	
-	Mầm non	%	98,80			98,80	
-	Tiểu học	%	98,80			98,80	
-	Trung học cơ sở	%	99,30			99,30	
7	Nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học:						
	- Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập ở mức Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành tốt (đối với cấp Tiểu học)	*%*	*37,00*		*38,00*	*38,00*	
	- Tỷ lệ học sinh đạt mức Tốt, Khá (đối với cấp THCS)	*%*	*20,00*		*23,00*	*23,00*	
	- Tỷ lệ trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia	*%*	*100,00*		*100,00*	*100,00*	
	- Tỷ lệ trường Phổ thông đạt chuẩn Quốc gia (Tiểu học và THCS)	*%*	*57,10*		*57,10*	*57,10*	
VI	**GIẢM NGHÈO VÀ VIỆC LÀM**	**5**					
1	Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	177			181	
-	Tương ứng tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	6,2		6,00	6,00	
2	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	L. động	523			300	
4	Số lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh	L. động			2500	2500	
5	Tỉ lệ tham gia bảo hiểm xã hội						
-	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	12,63	16,66	16,60	16,66	
-	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	%	0,38	0,71		0,71	
-	Bảo hiểm xã hội thất nghiệp	%	21,42	14,49	14,49	14,49	
VII	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ, DU LỊCH**	**5**					
1	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	80,0	81,80	82	82,0	
2	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận tiêu chí văn hóa	%	75,0	75,70	76	76,0	
3	Xã có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả	Xã		1		1	
4	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa - KTT phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động VHTT quần chúng	%		94,6		94,6	
5	Phát triển 01 điểm du lịch theo quy hoạch và hoàn thiện hồ sơ đề xuất công nhận điểm du lịch cấp tỉnh năm 2026	Điểm			1	1	